BÀI 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CD TRONG BẢO VỆ DI SẢN VH, MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN.

Câu 1: Công dân tích cực đấu tranh chống các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan là thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?
A. Trách nhiệm kinh tế. **B.** Trách nhiệm pháp lý.
C. Nghĩa vụ. **D.** Quyền.

Câu 2: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc tham gia bảo vệ di sản văn hóa?
A. Tôn tạo, nghiên cứu các di tích lịch sử **B.** Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hóa
C. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa **D.** Khôi phục và giữ gìn các di sản văn hóa

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa có giá trị và được pháp luật bảo vệ, công dân có nghĩa vụ
A. phá bỏ và chiếm đoạt. **B.** bảo vệ và phát triển.
C. tìm hiểu và phát huy. **D.** tôn tạo và làm mới.

Câu 4: Công dân lưu giữ và phát triển các loại hình nghệ thuật dân gian ở nước ta là đã thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân ở nội dung nào dưới đây?
A. Tôn trọng tài sản cá nhân. **B.** Học tập thường xuyên.
C. Bảo vệ môi trường. **D.** Bảo vệ di sản văn hóa.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa được pháp luật bảo vệ, công dân **không** được
A. tự ý thay đổi cấu trúc. **B.** hưởng thụ giá trị.
C. nghiên cứu hình thức. **D.** tiếp cận nội dung.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, công dân **khôn**g có quyền nào dưới đây?
A. Nghiên cứu di sản văn hóa. **B.** Tiếp cận di sản văn hóa.
C. Phục dựng lễ hội truyền thống. **D.** Hủy hoại di sản văn hóa.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?
A. Tôn trọng giá trị di sản. **B.** Giữ gìn giá trị di sản.
C. Tiếp cận giá trị di sản. **D.** Bảo vệ giá trị di sản.

Câu 8: Theo Điều 41 Hiến pháp năm 2013, mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hoá, được sử dụng
A. các cơ sở văn hoá. **D.** các giá trị văn hoá.
B. các nhạc cụ văn hoá. **C.** các không gian văn hoá.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, với các di sản văn hóa công cộng có giá trị và được pháp luật bảo vệ, công dân có quyền
A. quản lý để phát triển du lịch cộng đồng. **B.** xác lập quyền sở hữu tài sản cá nhân.
C. phá bỏ nếu không phù hợp với cá nhân. **D.** tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản.

Câu 10: Hoạt động của các chủ thể thực hiện các biện pháp tích cực để gìn giữ giá trị di sản văn hoá trong cộng đồng và lưu truyền nó theo thời gian là nội dung của khái niệm nào dưới đây?
A. Sử dụng di sản văn hoá. **B.** Chuyển giao di sản văn hoá.
C. Bảo vệ di sản văn hoá. **D.** Tái tạo di sản văn hoá.

Câu 11: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

A. xây dựng thiết chế văn hóa. **B.** Cải tiến kĩ thuật sản xuất.
C. Đảo mật thông tin nội bộ. **D.** Hạn chế rác thải nhựa.

Câu 12: Hành vi nào dưới đây **không** thể hiện quyền của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Khai thác tài nguyên thiên nhiên theo quy định. **B.** Đốt chất thải rắn độc hại ở nơi công cộng.
C. Tiếp nhận các thông tin về thực trạng môi trường.
D. Tố cáo các hành vi xâm phạm đến môi trường.

Câu 13: Nội dung nào sau đây góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ tài nguyên và môi trường?
A. Xả chất thải gây ô nhiễm môi trường. **B.** Nuôi gia súc gây mất vệ sinh chung.
C. Nộp phí bảo vệ tài nguyên môi trường. **D.** Buôn bán động vật trong danh mục cấm.

Câu 14: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Phải duy trì sự phân hóa giàu nghèo. **B.** Hình thành ý thức bảo vệ môi trường.
C. chuyển nhượng bí quyết gia truyền. **D.** Nhân rộng một số mô hình thoát nghèo

Câu 15: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Bảo tồn đa dạng sinh học. **B.** thay đổi mọi quan hệ xã hội.
C. Đề xuất hưởng phụ cấp độc hại **D.** Từ bỏ mọi hủ tục vùng miền

Câu 16: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền của công dân trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường?
A. Xử lý đối tượng hủy hoại môi trường. **B.** Nộp thuế khi khai thác tài nguyên.
C. Tìm hiểu chất lượng không khí. **D.** Xả thải trực tiếp ra môi trường.

Câu 17: Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, công dân cần tránh thực hiện hành vi nào dưới đây?
A. Đảm bảo tiếng ồn trong phạm vi cho phép theo quy định.
B. Sản xuất hàng hoá không cần tính đến việc bảo vệ môi trường
C. Tích cực tìm hiểu các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường
D. Vận chuyển và phân loại các chất thải ở nơi tập kết.

Câu 18: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Đốt rừng làm nương rẫy **B.** Khai thác đồng loạt các nguồn tài nguyên.
C. Chủ động ngăn chặn ô nhiễm môi trường. **D.** Phổ cập mô hình du canh du cư.

Câu 19: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Chặt đào rừng để về chơi tết. **B.** Hưởng ứng chương trình Giờ trái đất.
C. Đào cây cổ thụ trong rừng để làm cảnh. **D.** Sử dụng nhiều túi ni lông.

Câu 20: Việc làm nào sau đây phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?
A. Chủ động khai thác rừng nguyên sinh. **B.** Tích cực tiêu thụ động vật quý hiếm.
C. Mở rộng mô hình du canh du cư. **D.** Cải thiện ô nhiễm môi trường.

Đọc thông tin và trả lời các câu 21, 22: Gia đình bà S đang sinh sống tại một làng nghề tải chế kim loại. Trong quá trình sản xuất, mỗi ngày làng nghề phát sinh khoảng 30 – 40 tấn chất thải gồm bã thải xỉ nhôm, xỉ than, bùn từ quá trình có đúc kim loại, chưa được thu gom triệt để. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí cho thấy các chỉ tiêu phân tích về chất lượng nước mặt, tiếng ồn, bụi, các khí độc hại đều vượt quy chuẩn cho phép từ 1,2 – 1,8 lần, khiến môi trường sống của dân cư trong làng

nghề và khu vực lân cận bị ô nhiễm. Mặc dù nhiều lần bà S muốn góp ý với các hộ gia đình trong cuộc họp dân phố nhưng chồng bà S cho rằng làm như thế sẽ bị mất tình làng nghĩa xóm.

Câu 21: Để được phép xả chất thải ra môi trường, quản lí chất thải, nhập khẩu phế liệu về làm nguyên liệu sản xuất kèm theo yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, các hộ gia đình trong làng nghề cần cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho văn bản nào?

A. Giấy phép hành nghề. **B.** Giấy phép sản xuất.
C. Giấy phép môi trường. **D.** Giấy phép kinh doanh.

Câu 22: Theo Điều 159 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chủ thể nào có quyền yêu cầu các hộ gia đình trong tình huống trên cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản?

A. Đại diện cộng đồng dân cư trong làng nghề. **B.** Bất cứ người dân nào trong làng nghề.
C. Tất cả các cơ quan nhà nước. **D.** Đại diện hộ gia đình trong làng nghề.

Đọc thông tin và trả lời các câu 23, 24:

Mặc dù chính phủ đã có quy định dừng khai thác tất cả các cánh tự nhiên, song ông H cán bộ kiểm lâm huyện X vẫn cấp phép cho công ty N khai thác với lý do cải tạo các cánh rừng già. Phát hiện sự việc, anh Y kiểm lâm viên đã làm đơn tố cáo thì bị ông H đe dọa sẽ chuyển công tác nếu anh Y không rút đơn lại nhưng anh H kiến quyết tố cáo, còn anh C giám đốc công ty N đã thuê anh L làm đơn tố cáo anh Y đã có hành vi bao che cho một số người thân khai thác vàng trái phép làm hủy hoại môi trường.

Câu 23: Những ai dưới đây chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân về bảo vệ tài nguyên?

A. Ông H và anh C. **B.** Ông H, anh C và anh Y.
C. Anh C và anh Y. **D.** Anh L và anh C.

Câu 24: Trách nhiệm pháp lý nào dưới đây **không** áp dụng đối với các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ tài nguyên và môi trường trong thông tin trên?

A. Buộc khắc phục hậu quả. **B.** Xử phạt hành chính.
C. Buộc phải chia sẻ lợi nhuận. **D.** Xử lý hình sự.

Đọc thông tin và trả lời các câu 25, 26: Hằng năm trường trung học phổ thông B thường tổ chức cho học sinh đi tham quan các di tích lịch sử - văn hoá ở tỉnh nhà. Qua hoạt động tham quan này, học sinh của trường được thực hiện quyền của công dân về bảo vệ di sản văn hoá, được giáo dục truyền thống văn hoá của dân tộc qua các thời kì lịch sử. Khi đi tham quan, học sinh tìm hiểu ý nghĩa, lịch sử của các di sản văn hoá. Một số bạn còn ghi chép lại các sự kiện, tìm hiểu thêm các tư liệu liên quan đến di tích

Câu 25: Hoạt động tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử văn hóa tỉnh của của trường THPT B là góp phần thực hiện quyền của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa ở nội dung nào dưới đây?

A. Khai thác nguồn lợi kinh tế của di sản. **B.** Tôn tạo và bổ sung các di sản mới.
C. Tham gia phục dựng giá trị di sản. **D.** Tiếp cận và hưởng thụ giá trị di sản.

Câu 26: Việc làm nào sau đây của các bạn học sinh thể hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ di sản văn hóa?

A. Ghi chép lại đặc điểm di sản. **B.** Thay đổi giá trị vốn có của di sản.
C. Tìm hiểu giá trị các di tích. **D.** Tôn trọng giá trị vốn có của di sản.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Tổ liên ngành an ninh của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế trong quá trình tuần tra đã phát hiện một nhóm học sinh leo qua gác chắn đi vào khu vực kì đài nên đã đề nghị nhóm học sinh ra khỏi khu vực di tích. Sau đó, phát hiện một số bóng đèn LED chiếu sáng tại đây đã bị đập vỡ, mảnh kính từ bóng đèn nằm vương vãi trên mặt nền di tích. Thông qua hệ thống giám sát của trung tâm, lực lượng bảo vệ xác định đây là hành vi phá hoại tài sản của nhóm học sinh kể trên.

a) Cố đô Huế là di sản văn hóa được nhà nước bảo vệ.

b) Việc phá hoại các bóng đèn LED của khu di tích không nằm trong giá trị bảo tồn của di tích Cố đô Huế.

c) Các thanh niên trong thông tin trên thực hiện chưa đúng trách nhiệm của công dân trong việc giữ gìn và bảo vệ di sản văn hóa.

d) Các học sinh trong thông tin trên sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Vào ngày 20/4/2022, lực lượng Phòng Cảnh sát môi trường, Công an tỉnh ĐN bắt quả tang công nhân xí nghiệp X đang thực hiện xay nghiền tiêu huỷ các vỏ bóng đèn thải không đúng quy định. Tại hiện trường, khoảng gần 5 tấn thuỷ tinh có hoá chất chứa trong 195 bao và gần 370 nghìn bóng đèn thải chưa kịp xay nghiền đựng trong các sọt nhựa. Nước thải trong quá trình xay nghiền bóng đèn được thoát trực tiếp ra hệ thống mương nước mưa.Tiếp tục kiểm tra, lực lượng công an phát hiện 2 hầm bê tông được xây dựng âm dưới đất bên trong xí nghiệp có chứa hơn 89 tấn bóng đèn hỏng, thuỷ tinh đã nghiền, gần 1 tấn thuỷ tinh lẫn bùn thải và hơn 32 tấn nước phát sinh từ hoạt động tiêu huỷ. Mở rộng điều tra, cơ quan chức năng phát hiện xí nghiệp X cũng không đóng bảo hiểm xã hội, không tổ chức khám sức khoẻ định kì cho các công nhân đang làm việc tại đó.

a) Xí nghiệp X đã vi phạm nghĩa vụ của các chủ thể kinh tế trong việc bảo vệ môi trường.

b) Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, hành vi của xí nghiệp X chỉ bị nhắc nhở và rút kinh nghiệm.

c) Ngoài lãnh đạo xí nghiệp thì các công nhân trong công ty cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

d) Học sinh khi phát hiện các vụ việc xả thải trái phép của các doanh nghiệp có quyền cùng với người thân trong gia đình kiểm tra giấy phép kinh doanh và xử phạt các doanh nghiệp đó.

Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Sau nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục tuy nhiên hiện tượng đổ rác thải không đúng quy định vẫn diễn ra. Chị H hội trưởng hội phụ nữ xã X đề xuất sáng kiến lắp camera theo dõi khi thấy người vi phạm sẽ in và dán công khai hình ảnh các cá nhân đổ rác không đúng quy định tại nơi đổ rác. Thấy hình ảnh của mình bị dán tại khu vực đó, anh D vô cùng ấm ức cho rằng chị H đã xúc phạm tới danh dự và nhân phẩm của mình, sau khi có được những bằng chứng về việc cơ sở chế biến hải sản do anh M chồng chị H làm chủ có hành vi xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường và sử dụng các sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ bán cho khác hàng, anh D đã làm đơn tố cáo tới cơ quan chức năng khiến cơ sở của anh M bị đình chỉ hoạt động.

a) Anh D vi phạm nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường.

b) Chị H vi phạm quyền của công dân được sống trong môi trường trong lành.

c) Việc làm của anh M là chưa phù hợp với nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe công dân.

d) Anh D tố cáo hành vi vi phạm của anh M với cơ quan chức năng là phù hợp với quyền của công dân trong bảo vệ môi trường.

BÀI 14: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

Câu 1: Mọi quốc gia có nghĩa vụ thực hiện với sự thiện chí các nghĩa vụ của mình phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc, theo những nguyên tắc và quy phạm được luật quốc tế thừa nhận chung và trong những thỏa thuận có hiệu lực theo những nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế là thực hiện theo nguyên tắc

A. bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia. **B.** không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc. **D.** tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế.

Câu 2: Trong quan hệ quốc tế, để giải quyết các vấn đề toàn cầu, các quốc gia có nghĩa vụ

A. hợp tác với các quốc gia khác. **B.** sử dụng mọi biện pháp bạo lực.

C. can thiệp vào công việc của nước khác. **D.** xâm phạm quyền tự quyết của dân tộc.

Câu 3: Tất cả các dân tộc có quyền tự do quyết định chế độ chính trị và theo đuổi sự phát triển về kinh tế, xã hội và văn hoá của mình mà không có bất kì sự can thiệp nào từ bên ngoài là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. **B.** Tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết.
C. Quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc. **D.** Bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

Câu 4: Chủ thể nào dưới đây **không** phải là đối tượng điều chỉnh của Luật quốc tế?

A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Mặt trận nhân dân giải phóng Palestine.
C. Tổ chức Y tế Thế giới. **D.** Mạng xã hội toàn cầu Facebook.

Câu 5: Pháp luật quốc tế được phát triển thông qua

A. sự chứng kiến của một tổ chức phi chính phủ. **B.** quyết định của một quốc gia duy nhất.
C. hiệp định và thỏa thuận giữa các quốc gia. **D.** sự can thiệp của các tổ chức kinh tế quốc tế.

Câu 6: Luật quốc tế được xây dựng và hoàn thiện dựa trên nguyên tắc nào dưới đây?

A. Dân tộc lớn có toàn quyền tự quyết. **B.** Nước nhỏ phải phụ thuộc vào nước lớn
C. Mọi quốc gia tự nguyện và bình đẳng. **D.** Chạy đua vũ trang và đe dọa vũ lực.

Câu 7: Khi tham gia các quan hệ quốc tế, các quốc gia không có sự phân biệt về chế độ kinh tế, chính trị và xã hội đều bình đẳng về chủ quyền, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là thể hiện nguyên tắc nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác. **B.** Quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc.
C. Tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết. **D.** Bình đẳng về chủ quyền của các quốc gia.

Câu 8: Một trong những vai trò của luật quốc tế là góp phần

A. hợp lý hóa việc chạy đua vũ trang. **B.** mở rộng các vùng tranh chấp.
C. duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. **D.** tăng lệ thuộc của các quốc gia nhỏ.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của luật quốc tế đối với mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới?

A. Cùng nhau chạy đua vũ trang. **B.** Duy trì hòa bình và an ninh.
C. Hợp lý hóa việc xâm chiếm. **D.** Gia tăng sự lệ thuộc với nhau.

Câu 10: Trong mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới, luật quốc tế **không** đóng vai trò nào dưới đây?

A. Can thiệp công việc của nhau **B.** Phát triển quan hệ hữu nghị.
C. Duy trì hòa bình và an ninh. **D.** Thúc đẩy hợp tác giữa với nhau.

Câu 11: Tổng thể các nguyên tắc và quy phạm pháp luật tạo thành luật quốc tế **không** bao gồm

A. Văn bản pháp luật của một quốc gia. **B.** Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.
C. Hiến chương của Liên hợp quốc **D.** Công ước của Liên hợp quốc về luật biển.

Câu 12: Một trong những vai trò của luật quốc tế là góp phần

A. lôi kéo các nước cùng nhau xâm lược **B.** giúp các nước hợp tác để phát triển.
C. mở rộng các vùng tranh chấp. **D.** tăng quyền lực cho nước lớn.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật quốc tế, khi giải quyết các tranh chấp quốc tế các nước phải tôn trọng nguyên tắc giải quyết bằng

A. đe dọa dùng vũ lực. **B.** biện pháp quân sự.
C. biện pháp hòa bình. **D.** sử dụng vũ trang.

Câu 14: Một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế là nguyên tắc bình đẳng về

A. sử dụng vũ trang. **B.** quyền được xâm lược.
C. xâm lược thuộc địa. **D.** chủ quyền quốc gia.

Câu 15: Cơ sở pháp lý quan trọng nhất để thiết lập và phát triển các quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế là

A. thoả thuận quốc tế. **B.** công ước quốc tế. **C.** hiệp định quốc tế. **D.** pháp luật quốc tế.

Câu 16: Nhận định nào dưới đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật quốc tế?

A. Quyết định vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia. **B.** Điều chỉnh luật pháp trong một quốc gia cụ thể.

C. Thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác giữa các quốc gia.

D. Tạo ra sự đối đầu và xung đột giữa các quốc gia.

Câu 17: Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của luật quốc tế trong đời sống quốc tế?

A. Giải quyết bất đồng giữa các nước. **B.** Duuy trì hòa bình và an ninh.

C. Hạn chế thực hiện quyền con người. **D.** Ngăn ngừa chiến tranh, xung đột

Câu 18: Theo quy định của pháp luật quốc tế, các quốc gia trong khu vực không được can thiệp vào

A. công việc nội bộ của nước mình. **B.** công việc nội bộ của nước khác.

C. giải quyết các vấn đề toàn cầu. **D.** việc hỗ trợ hòa bình trên thế giới.

Câu 19: Một trong những chủ thể của Luật quốc tế là

A. các tổ chức phi Chính phủ. **B.** các đoàn làm thiện nguyện

C. các quốc gia trên thế giới. **D.** các vùng đảo ngoài biển.

Câu 20: "Pháp luật quốc tế là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện quy định của luật quốc gia, bảo đảm cho luật quốc gia phù hợp với yêu cầu của pháp luật quốc tế" là nội dung thể hiện

A. Tầm quan trọng của pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

B. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.

C. Nguyên tắc hoạt động của pháp luật quốc tế **D.** Vai trò của pháp luật quốc tế đối với luật quốc gia

Đọc thông tin và trả lời các câu 21, 22: Năm 1995, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với việc cam kết tuân thủ các nội dung của Tuyên bố ASEAN năm 1967. Tháng 11/2007 lãnh đạo các thành viên ASEAN đã ký thông qua Hiến chương ASSEAN một văn kiện pháp lý quan trọng. Năm 2008, Việt Nam phê chuẩn Hiến chương ASSEAN, mở ra một chương mới để Việt Nam thiết lập các mối quan hệ ngoại giao, hợp tác kinh tế với các quốc gia thành viên, giúp duy trì mối quan hệ hòa bình và ổn định ở khu vực.

Câu 21: Nội dung nào dưới nằm trong hệ thống pháp luật quốc tế?

A. Tuyên bố ASEAN năm 1967. **B.** Hiến chương ASEAN.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. **D.** Việt Nam gia nhập ASEAN.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế?

A. Thiết lập quan hệ ngoại giữa các nước. **B.** Mở rộng địa bàn xâm lược trong khối.

C. Ràng buộc về chính trị trong ASSEAN. **D.** Phân chia lại lãnh thổ ASSEAN.

Đọc thông tin và trả lời các câu 23, 24: Thái Lan và Việt Nam là hai nước có bờ biển đối diện, đều có quyền mở rộng vùng biển của mình theo đúng quy định của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, do đó đã tạo ra một vùng chồng lấn tại Vịnh Thái Lan. Ngày 9-8-1997, Hiệp định Phân định ranh giới biển giữa Việt Nam và Thái Lan đã được kí kết, chấm dứt một thời gian dài tranh cãi về việc giải thích và áp dụng Luật Biển trong phân định vùng chồng lấn có liên quan giữa hai nước.

Câu 23: Việc hai quốc gia Thái Lan và Việt Nam đều có quyền mở rộng vùng biển của mình theo đúng quy định Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 là thể hiện nguyên tắc cơ bản nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Quyền dân tộc tự quyết. **B.** Bình đẳng về chủ quyền.

C. Giải quyết một cách hòa bình. **D.** Can thiệp vào công việc nội bộ.

Câu 24: Hiệp định Phân định ranh giới biển giữa Việt Nam và Thái Lan đã được kí kết, chấm dứt một thời gian dài tranh cãi về việc giải thích và áp dụng Luật Biển trong phân định vùng chồng lấn có liên quan giữa hai nước là thể hiện nguyên tắc cơ bản nào dưới đây của pháp luật quốc tế?

A. Tận tâm, thiện chí thực hiện cam kết. **B.** Giải quyết tranh chấp bằng hòa bình.
C. Bình đẳng về chủ quyền quốc gia. **D.** Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Trong hai ngày 1 – 2/11/2023, tại trụ sở liên hợp quốc ở New York. Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 78 đã thảo luận và ra Nghị quyết về "Sự cần thiết chấm dứt cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba". Tại cuộc họp này, đông đảo các nước chia sẻ với những khó khan mà nhân dân Cuba phải gánh chịu do ảnh hưởng tiêu cực kéo dài của lệnh cấm vận do Mỹ áp đặt suốt 60 năm qua. Đồng thời, các nước kêu gọi mỹ chấm dứt ngay lệnh cấm vận đối với Cuba.

a) Nghị quyết của Liên hợp quốc về "Sự cần thiết chấm dứt cấm vận kinh tế, thương mại và tài chính do Mỹ áp đặt đối với Cuba" là văn kiện mang tính pháp luật quốc tế.

b) Việc Mỹ áp đặt cấm vận đối với Cuba là vi phạm nguyên tắc can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

c) Mỹ đã vi phạm nguyên tắc về quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc thông qua hình thức cấm vận đối với Cu ba.

d) Cu ba có quyền dùng vũ lực để xóa bỏ sự cấm vận của Mỹ là phù hợp với luật pháp quốc tế.

Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Hai nước Australia và Timor Lester có mâu thuẫn, bất đồng trong việc phân định biển. Năm 2016, Timor Lester là nước đầu tiên trên thế giới căn cứ vào thủ tục hoà giải bắt buộc quy định trong các Điều 297 và 298 của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, yêu cầu Australia thực hiện thủ tục hoà giải để phân định ranh giới biển giữa hai nước theo quy định của Luật Biển quốc tế. Dựa trên các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế và Công ước Luật Biển 1982, sau hai năm đàm phán hai nước đã đạt được thoả thuận phân định ranh giới biển cuối cùng vào ngày 06/3/2018.

a) Luật Biển năm 1982 là một ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc gia.

b) Hai nước Australia và Timor Lester sau hai năm đàm phán đã đạt được thoả thuận phân định ranh giới biển là thể hiện nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

c) Hai nước Australia và Timor Lester đạt được thỏa thuận chung dựa trên Luật biển quốc tế là thể hiện vai trò của pháp luật quốc tế trong giải quyết tranh chấp.

d) Hai nước Australia và Timor Lester cùng thực hiện tốt nguyên tắc tận tâm, thiện chí trong việc thực hiện các điều ước quốc tế.

Câu 3: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Đọc đoạn thông tin sau: Thái Lan và Việt Nam là hai nước có bờ biển đối diện, đều có quyền mở rộng vùng biển của mình theo đúng quy định của công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, do đó đã tạo ra một vùng chồng lấn tại Vịnh Thái Lan. Ngày 9/8/1997, Hiệp định phân định ranh giới giữa Việt Nam và Thái Lan đã được ký kết, chấm dứt một thời gian dài tranh cãi về việc giải thích và áp dụng Luật biển trong phân định vùng chồng lấn có liên quan giữa hai nước.

a) Luật biển năm 1982 là văn bản mang tính pháp luật quốc tế.

b) Hiệp định phân định ranh giới giữa Việt Nam và Thái Lan có giá trị tương đương một ngành luật trong hệ thống pháp luật quốc tế.

c) Thái Lan và Việt Nam đã thực hiện tốt nguyên tắc giải quyết các vấn đề quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

d) Pháp luật quốc tế đã góp phần củng cố mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Thái Lan.

BÀI 15: CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ DÂN CƯ, LÃNH THỔ VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

Câu 1: Yếu tố nào dưới đây **không** phải là bộ phận của lãnh thổ quốc gia?

A. Vùng trời. **B.** Vùng vũ trụ. **C.** Vùng nước. **D.** Vùng đất.

Câu 2: Lãnh thổ quốc gia được giới hạn bởi

A. đường biên giới quốc gia. **B.** đường giới tuyến quốc gia.
C. các nước có tiềm lực lớn. **D.** ý chí của nhà lãnh đạo.

Câu 3: Tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản là bằng pháp luật của nhà nước ở quốc gia đó được gọi là
A. dân cư địa phương. **B.** dân cư quốc gia.
C. dân số thổ cư. **D.** dân số nội địa.

Câu 4: Người nước ngoài được hưởng các ưu đãi mà ngay cả công dân nước sở tại cũng không được hưởng (được quy định tại các Công ước quốc tế về quan hệ ngoại giao và lãnh sự) thuộc chế độ ưu đãi nào dưới đây?
A. Chế độ đã ngộ tối huệ quốc. **B.** Chế độ với người đa quốc tịch.
C. Chế độ đãi ngộ đặc biệt. **D.** Chế độ đãi ngộ quốc gia.

Câu 5: Với lãnh thổ của mình, quốc gia có chủ quyền tuyệt đối, tối cao đối với lãnh thổ của mình, thực hiện quyền tài phán đối với người và tài sản trên lãnh thổ của mình là biểu hiện ở phương diện nào dưới đây?
A. Tinh thần. **B.** Chính trị. **C.** Vật chất. **D.** Quyền lực.

Câu 6: Các bộ phận của dân cư của quốc gia có chế độ pháp lý riêng, phụ thuộc vào
A. quy định pháp luật của mỗi quốc gia. **B.** thành phần và địa vị xã hội.
C. tín ngưỡng và tôn giáo lựa chọn. **D.** nguồn gốc xuất thân của người dân.

Câu 7: Với lãnh thổ của mình, các quốc gia là chủ duy nhất sở hữu toàn bộ tài nguyên trong lãnh thổ của mình là biểu hiện ở phương diện nào dưới đây?
A. Vật chất. **B.** Tinh thần. **C.** Chính trị. **D.** Quyền lực.

Câu 8: Theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982, trong vùng đặc quyền kinh tế của mình, các quốc gia ven biển **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?
A. Thăm dò khai thác tài nguyên. **B.** Nghiên cứu khoa học về biển.
C. Thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường **D.** Thực hiện quyền tài phán với nước khác.

Câu 9: Vùng biển nào dưới đây mà các quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ giống như trên đất liền?
A. Vùng thềm lục địa. **B.** Vùng nội thủy. **C.** Vùng lãnh hải. **D.** Vùng tiếp lãnh hải.

Câu 10: Vùng lãnh thổ mà các quốc gia có quyền sử dụng vào mục đích hòa bình và phát triển đã được quy định trong công ước quốc tế được gọi là
A. vùng không có chủ quyền. **B.** lãnh thổ quốc tế.
C. vùng lãnh thổ tranh chấp. **D.** lãnh thổ quốc gia.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây đùng khi nói về khái niệm dân cư?
A. Dân cư bao gồm công dân nước sở tại và người không quốc tịch sinh sống trong lãnh thổ của một quốc gia
B. Dân cư bao gồm công dân nước sở tại và công dân nước ngoài sinh sống trong lãnh thổ của một quốc gia.
C. Dân cư là tập hợp tất cả những người sinh sống trong lãnh thổ của một quốc gia.
D. Dân cư là tập hợp tất cả những công dân sinh sống trong lãnh thổ của một quốc gia.

Câu 12: Đường biên giới quốc gia nào dưới đây được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ?
A. Biên giới trên bộ. **B.** Biên giới trên không.
C. Biên giới trên mạng. **D.** Biên giới trên biển.

Câu 13: Chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ được thể hiện ở hai phương diện cơ bản nào sau đây?
A. Tài nguyên và khoáng sản. **B.** Con người và tài sản.
C. Quyền lực và vật chất. **D.** Kinh tế và chính trị.

Câu 14: Trong thực tiễn quan hệ quốc tế, chế độ đãi ngộ tối huệ quốc được áp dụng đối với bộ phận dân cư nào dưới đây?

A. Công dân người nước ngoài. **B.** Người mang hai quốc tịch.
C. Công dân của nước sở tại. **D.** Người không có quốc tịch.

Câu 15: Vùng nước nằm tiếp liền với bờ biển là vùng

A. thềm lục địa. **B.** lãnh hải. **C.** nội thủy. **D.** đặc quyền kinh tế.

Câu 16: Lãnh thổ quốc gia bao gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời và

A. vùng quốc tế. **B.** vùng lòng đất.
C. không gian bắc cực. **D.** không gian vũ trụ.

Câu 17: Theo công cước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, mọi quốc gia đều có quyền ấn định chiều rộng lãnh hải của mình chiều rộng này không vượt quá

A. 22 hải lý. **B.** 11 hải lý. **C.** 12 hải lý. **D.** 10 hải lý.

Câu 18: Theo quy định của luật pháp quốc tế, vùng biển nào dưới đây là vùng biển thuộc chủ quyền của các quốc gia ven biển?

A. Vùng đặc quyền kinh tế. **B.** Vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. Vùng lãnh hải. **D.** Thềm lục địa.

Câu 19: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng tiếp giáp lãnh hải?

A. Khai thác tài nguyên trong lãnh hải. **B.** Thu phí đối với tàu thuyền nước ngoài.
C. Ngăn ngừa hành vi vi phạm hàng hải. **D.** Cấp phép đi lại cho tàu nước ngoài

Câu 20: Những vùng biển nào dưới đây thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển?

A. Nội thuỷ và lãnh hải. **B.** Tất cả các vùng biển.
C. Các vùng biển ngoài bờ biển. **D.** Các vùng biển tàu thuyền đi lại.

Câu 1: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Nước M là một quốc gia lục địa và có biển ở phía tây. Nước M thực hiện chủ quyền trên lãnh thổ của mình, gồm vùng đất, vùng nước, vùng trời và vùng lòng đất. Trong mấy thập niên qua, nước M đã kí kết các hiệp ước, hiệp định biên giới trên bộ và trên biển với các nước láng giềng, xác định đường biên giới của quốc gia với các nước láng giềng gồm cả đường biên giới trên bộ, trên biển dựa trên cơ sở các nguyên tắc xác định biên giới quốc gia được quy định trong pháp luật quốc tế.

Câu 21: Thành phần nào dưới đây không phải là bộ phận cấu thành nên lãnh thổ của quốc gia M?

A. Vùng nước. **B.** Hải phận quốc tế. **C.** Vùng đất. **D.** Vùng lòng đất.

Câu 22: Nước M không có chủ quyền đối với vùng lãnh thổ nào dưới đây?

A. Vùng lòng đất. **B.** Vùng trên không. **C.** Vùng trên bộ. **D.** Vùng đại dương.

Câu 2: Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới

Được áp dụng cho những người nước ngoài cư trú và sinh sống trên lãnh thổ của mình khi họ có thời hạn lưu trú tương đối ổn định và lâu dài. Theo chế độ này, nước sở tại cho phép người nước ngoài cư trú và sinh sống ở nước mình được hưởng những quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá cơ bản như công dân của nước sở tại, trừ một số quyền liên quan đến lợi ích và an ninh quốc gia của nước sở tại. Chế độ này thường được ghi nhận và thể hiện cụ thể trong pháp luật của mỗi nước.

Câu 23: Thông tin trên phù hợp với chế độ nào dưới đây được quy định trong công pháp quốc tế về dân cư?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc. **B.** Chế độ trục xuất người tị nạn.
C. Chế độ đối xử tối huệ quốc. **D.** Chế độ đối xử quốc gia.

Câu 24: Nghĩa vụ nào dưới đây mà nước sở tại **không** áp dụng cho những người nước ngoài cư trú và sinh sống trên lãnh thổ của mình khi họ có thời hạn lưu trú tương đối ổn định và lâu dài?

A. Nộp thuế khi kinh doanh. **B.** Nghĩa vụ quân sự.

C. Bảo vệ môi trường. **D.** Bảo vệ an ninh trật tự.

Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Tối 19/7/2019, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Thị Thu Hằng xác nhận: tàu khảo sát Hải Dương 8 của Trung Quốc đã có hành vi vi phạm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam ở khu vực phía nam Biển Đông. Đây là vùng biển hoàn toàn của Việt Nam, được xác định theo đúng các quy định của Công ước của Liên Hiệp Quốc (LHQ) về Luật biển 1982 mà Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên. Việt Nam đã tiếp xúc nhiều lần với phía Trung Quốc ở các kênh khác nhau, trao công hàm phản đối, kiên quyết yêu cầu chấm dứt ngay các hành vi vi phạm, rút toàn bộ tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam vì quan hệ hai nước và ổn định, hòa bình ở khu vực. Các lực lượng chức năng trên biển của Việt Nam tiếp tục triển khai nhiều biện pháp phù hợp thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán một cách hòa bình, đúng pháp luật nhằm bảo vệ vùng biển Việt Nam.

a) Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa là các vùng biển chủ quyền quốc gia của Việt Nam nên nước ta có chủ quyền đầy đủ và tuyệt đối.

b) Trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, nước ta không được quyền hợp tác với các nước để khai thác vùng biển này.

c) Hoạt động khai thác thăm dò của Trung Quốc là vi phạm quyền chủ quyền của Việt Nam.

d) Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, các hoạt động giao thương hàng hải của nước khác phải xin phép Việt Nam.

Câu 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng như các nước, người nước ngoài được hưởng các chế độ pháp lí, trong đó có chế độ tối huệ quốc. Nội dung cơ bản của chế độ tối huệ quốc là người nước ngoài và pháp nhân nước ngoài được hưởng một chế độ mà nước sở tại dành cho người nước ngoài và pháp nhân nước ngoài của bất kì nước thứ ba nào đang được hưởng và sẽ được hưởng trong tương lai. Theo chế độ tối huệ quốc thì người nước ngoài cũng như pháp nhân nước ngoài được hưởng đầy đủ và hoàn toàn các quyền hợp pháp mà một quốc gia đã dành và sẽ dành cho bất kì một nhóm người nước ngoài cũng như pháp nhân nước ngoài đang sinh sống hay hoạt động tại lãnh thổ của quốc gia đó. Như vậy, chế độ tối huệ quốc đưa lại các điều kiện cũng như các tiêu chuẩn pháp lí như nhau (theo nghĩa bình đẳng, bình quyền) cho người nước ngoài và pháp nhân nước ngoài của các quốc gia đã kì kết với nhau hiệp định mà trong đó có quy định chế độ này.

a) Chế độ tối huệ quốc là một trong số chế độ pháp lí nằm trong công pháp quốc tế về dân cư.

b) Chế độ tối huệ quốc thường được áp dụng trong lĩnh vực thương mại, hàng hải.

c) Theo chế độ tối huệ quốc thì mọi người nước ngoài sinh sống tại quốc gia đó đều được hưởng chế độ này.

d) Người nước ngoài sang Việt Nam học tập phải chịu trách nhiệm pháp lí khi vi phạm pháp luật.

---------- HẾT ----------